TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN PHÚ** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **299**/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 30/7/2019
V/v tranh chấp "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ - TỈNH AN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông **Nguyễn Phong Phi**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Lê Văn Phu**

Ông **Huỳnh Thanh Hùng**

- ***Thư ký phiên toà***: Bà **Trần Đỗ Ngọc Mai Thy** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:*** Bà **Nguyễn Ngọc Trà Mi**- Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú mở xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 133/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2019 về việc "*Xin ly hôn"* theo Quyết định hoãn phiên tòa số: 344/2019/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà **Bùi Thị Hồng N,** sinh năm 1989; nơi cư trú: Tổ 6, khóm 1, phường Long Sơn, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang. (có mặt)

- *Bị đơn:* Ông **Trương Văn K,** sinh năm 1986; nơi cư trú: Tổ 19, ấp Vĩnh Ngữ, xã Vĩnh Hậu, huyện An Phú, tỉnh An Giang. (vắng)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu kèm theo bà Bùi Thị Hồng N trình bày:

Hôn nhân giữa bà Hồng và ông K là do tự tìm hiểu, yêu thương và được gia đình hai bên đồng ý tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Hậu, huyện An Phú, tỉnh An Giang. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, thời gian sau phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do cả hai không cùng quan điểm sống, không có tiếng nói chung.

Hiện tại bà N và ông K đã ly thân tám năm, bà N nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà N xin ly hôn với ông K.

Về con chung: Trong quá trình chung sống bà N và ông K có một con chung tên Trương Thị Như Huỳnh, sinh ngày 09/12/2011, hiện nay cháu Huỳnh đang sống chung với ông K, khi ly hôn bà N yêu cầu được nuôi dạy con chung, không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con chung.

Về quan hệ tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài liệu chứng cứ: Các tài liệu chứng cứ các đương sự giao nộp đã được thẩm tra và công khai trong quá trình hòa giải, các đương sự không có ý kiến gì về các tài liệu chứng cứ và tại phiên tòa không ai giao nộp bổ sung thêm tài liệu chứng cứ khác.

Trong quá trình thụ lý, hòa giải Tòa án đã tiến hành cấp tống đạt văn bản cho ông K theo quy định nhưng ông K vẫn không có mặt theo văn bản triệu tập của Tòa án, mặc dù trong quá trình tiến hành tố tụng Tòa án có phân công cán bộ đến tại nhà của ông K làm việc nhưng vẫn không gặp ông K để ghi lời khai. Tòa án tiến hành xác minh nơi cư trú và tình trạng hôn nhân của bà N và ông K để giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Chứng cứ mà Tòa án thu thập được: Tại biên bản xác minh ông Trương Văn K 17/6/2019 được ông Trương Văn Bạo – Phó ấp Vĩnh Ngữ, xã Vĩnh Hậu, huyện An Phú, tỉnh An Giang cho biết hiện nay ông K vẫn còn đăng ký hộ khẩu tại ấp Vĩnh Ngữ, xã Vĩnh Hậu, huyện An Phú, tỉnh An Giang nhưng hiện nay ông K đã bỏ địa phương đi làm ăn xa nhưng vẫn trở về thăm nhà.

Tại biên bản xác minh tình trạng hôn ngày 17/6/2019 được bà Lê Thị Đẹp – là mẹ ruột của ông Trương Văn K cho biết: Quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông K là do cả hai người tự tìm hiểu, yêu thương nhau được cha mẹ hai bên đồng ý và tổ chức lễ cưới. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, được khoảng một năm sau vợ chồng phát sinh Nều mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do ông K không quan tâm đến vợ con, thường xuyên nhậu nhẹt, hiện nay bà N và ông K đã ly thân 8 năm nay. Theo tôi khả năng hàn gắn của bà N và ông K là không thể vì thời gian ly thân đã lâu và hiện nay ông K con tôi cũng có quan hệ với một người phụ nữ khác bên ngoài.

Tại phiên tòa, bà N bảo lưu ý kiến của mình. Riêng ông K đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt ông K theo thủ tục chung.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về tuân thủ pháp luật của Thẩm phán trong ghi lời khai, thủ tục xét xử vắng mặt, xác định quan hệ tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng…là hoàn toàn phù hợp với pháp luật tố tụng dân sự. Đối với thành phần hội đồng xét xử không có thành viên nào

thuộc đối tượng phải thay đổi, việc xét hỏi tại phiên tòa, thời hạn xét xử cũng như thủ tục xét xử vắng mặt được đảm bảo.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về nội dung: Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án và trình bày tại phiên tòa của nguyên đơn bà N cho thấy tình cảm vợ chồng bà N và ông K không còn mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N, về con chung theo nguyện vọng của bà N và của cháu Trương Thị Như Huỳnh nên đề nghị hội đồng xét xử giao cháu Huỳnh cho bà N nuôi dạy, từ những phân tích tích trên đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Bà Bùi Thị Hồng N khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Trương Văn K. Đồng thời, ông K cư trú trên địa bàn huyện An Phú. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Phú.

Về sự vắng mặt của đương sự: Ông K được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông K theo khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Quan hệ hôn nhân giữa bà N, ông K do tự tìm hiểu, có tổ cức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Hậu vào ngày 24/8/2010, nên được xem là hôn nhân hợp pháp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Trong thời gian ly thân nhau nhưng ông K không quan tâm đến vợ, căn cứ khoản 1 Điều 56 luật hôn nhân gia đình, thì ông N bà bà K đã vi phạm nghĩa vụ của vợ chồng được quy định tại Điều 19 luật hôn nhân và gia đình 2014 "Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình", do đó Tòa án nhận thấy cả hai vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó Tòa án giải quyết cho ly hôn là có căn cứ.

[3] Về quan hệ con chung: Trong quá trình chung sống bà N và ông K có 01 con chung tên Trương Thị Như Huỳnh, sinh ngày 09/12/2011; hiện nay cháu Huỳnh đang sống chung với ông K, khi ly hôn bà N yêu cầu được nuôi dạy con chung, không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, từ khi ly thân đến nay, tuy đang sống với ông K nhưng ông K thường đi làm ăn xa không có ở nhà, do mẹ ông K là nội nuôi dạy, bà N vẫn hay lui tới chăm sóc con chung, cấp dưỡng nuôi con chung. Tại biên bản lấy thời khai ngày 19/4/2019 thì cháu Huỳnh cũng trình bày nguyện vọng muốn được sống

chung với bà N. Do đó, để đảm bảo cho sự phát triển tâm sinh lý bình thường và điều kiện sống của con chung, hội đồng xét xử nghĩ nên chấp nhận để cho bà N tiếp tục nuôi dạy con chung là phù hợp.

[4]Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Bà N khai không có. Do ông K vắng mặt nên Tòa án không giải quyết nếu sau này ông K có tranh chấp thì sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[5]Về án phí: Bà N là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm. Ông K không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 4 Điều 147, các Điều 227, 228, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị Hồng N.

Về hôn nhân: Bà Bùi Thị Hồng N được ly hôn với ông Trương Văn K.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 76/HT ngày 24/8/2010 của Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Hậu không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Về con chung: Bà N được nuôi dạy con chung tên Trương Thị Như Huỳnh, sinh ngày 09/12/2011, ông K không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà N cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông K trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Bên không trực tiếp nuôi con, không được lợi dụng quyền thăm con hoặc có hành vi vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ trông nôm, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà gây ảnh hưởng đến việc nuôi dạy con của bên trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về án phí: Bà Bùi Thị Hồng N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được chuyển từ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0011220 ngày 01/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú (bà K đã nộp đủ).

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 30/7/2019) Các đương sự được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Riêng thời hạn kháng cáo của ông Trương Văn K được tính kể từ ngày tống đạt hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TA Tỉnh ;
- VKS huyện;
- CC THADS;
- Các đương sự;
- UBND xã Vĩnh Hậu;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP.

Nguyễn Phong Phi